

Số: 727/2021/QĐST - HNGĐ

Đông Đa, ngày 21 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 701/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2021, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Bà Đ. S. N**, sinh năm: 1973; Hộ khẩu thường trú: Số 23 ngách 74 ngõ Thịnh Hào 1, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;
- **Ông Đ. Q. T**, sinh năm: 1972; Hộ khẩu thường trú: Tập thể Công ty 810, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đ. S. N và ông Đ. Q. T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội ngày 09/4/1996.

Trong quá trình chung sống, ông bà có nhiều khác biệt về quan điểm sống, lối sống nên đã xảy ra mâu thuẫn. Ông bà đã nhiều lần ngồi lại cùng nhau bàn bạc để giải quyết nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và kéo dài nên từ khoảng đầu năm 2021 ông bà đã sống ly thân.

Bà Đ. S. N và ông Đ. Q. T khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Bà N và ông T có 02 con chung là: Đ. K. N (nữ), sinh ngày 02/02/1997 và Đ. Q. K (nam), sinh ngày 29/3/2001. Các con chung đã trưởng thành nên việc ở với ai do con chung tự quyết định, ông bà không yêu cầu giải quyết.

[3] Tài sản chung (động sản, bất động sản): Bà N và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Bà N và ông T xác nhận không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Bà N và ông T thống nhất để bà N chịu cả 300.000đồng - lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đ. S. N và ông Đ. Q. T;

- **Về con chung:** Xác nhận bà N và ông T có 02 con chung là: Đ. K. N (nữ), sinh ngày 02/02/1997 và Đ. Q. K (nam), sinh ngày 29/3/2001. Các con chung đã ở tuổi trưởng thành khỏe mạnh, bà N và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- **Về tài sản chung:** Bà N và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- **Về nợ:** Bà N và ông T xác nhận không có nợ chung nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của bà N và ông T để bà N chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0068127 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa. Bà N đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- UBND phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Tú